

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HS-PT
Ngày: 27-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo **Phan Văn Y** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2024/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Phan Văn Y**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **Số A, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1965 và bà **Trần Thị P**, sinh năm 1964; vợ: **Thạch Thị T**, sinh năm 1989; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 20 phút ngày 05/11/2023, **Phan Văn Y** điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 71F6-5651 lưu thông trên **Quốc lộ E**, theo hướng từ nhà ở **xã H** đến Nhà máy nước đá của **Huỳnh Thị Tiểu M** ở **xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre** để làm thuê. Khi đến Km75+300m, đoạn thuộc **ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre**, **Y** phát hiện **Trần Văn D** đang đi bộ cùng chiều phía trước. Do phát hiện ở khoảng cách gần nên **Y** không kịp xử lý dẫn đến xe mô tô do **Y** điều khiển đụng vào phía sau ông **D** làm ông **D** té ngã xuống mặt đường, **Y** và xe mô tô cũng ngã xuống mặt đường, **Y** bị bắt tỉnh. Khi tỉnh lại, do sợ trách nhiệm nên **Phan Văn Y** đã đi đến chỗ xe mô tô biển số 71F6-5651 ngã, dựng xe lên và dẫn xe đi đến khu vực phía trước **Cửa hàng X** số 47 ở **ấp T**,

xã M, cách vị trí xe ngã 24 mét để cất giấu xe mô tô. Sau đó, Y đi bộ vòng ra phía sau Cửa hàng xăng dầu, bỏ lại nón bảo hiểm ở bờ ao và đón xe buýt đi đến Nhà máy N1 ở xã B, huyện T để làm thuê như thường ngày.

Riêng Trần Văn D sau tai nạn bị thương nặng được người dân đưa đến Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Bến Tre và chuyển đến Bệnh viện N2 - tỉnh Bến Tre cấp cứu. Đến ngày 07/11/2023, ông D chết tại Bệnh viện N2.

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, ban đầu Phan Văn Y không thừa nhận hành vi gây tai nạn cho ông D mà cho rằng các thương tích trên thân thể của Y là do chạy xe bị sụp ổ gà té. Đến ngày 11/11/2023, Y mới thừa nhận hành vi gây tai nạn cho ông D.

** Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/11/2023 thể hiện:*

Hiện trường của đoạn đường xảy ra tai nạn: Đường hai chiều, đường thẳng, mặt đường được trải nhựa phẳng, có vạch kẻ đường phân chia xe chạy (dạng vạch đơn, đứt nét) không có cọc tiêu. Mặt đường rộng 08m, tim đường cách lề bên phải theo hướng từ Ủy ban nhân dân xã Q đi Bến xe T là 4,25m. Khu vực hiện trường tai nạn không nằm trong phạm vi, tác dụng của biển báo hiệu đường bộ. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) Vết màu nâu đỏ thứ nhất (nghi máu), (2) vết màu nâu đỏ thứ hai (nghi máu), (3) Vùng mảnh vỡ, (4) vết cày. Chọn mép đường bên phải hướng từ Ủy ban nhân dân xã Q đi Bến xe T làm chuẩn, chọn trụ điện 124 phía bên trái đường làm điểm mốc. Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng Ủy ban nhân dân xã Q đi Bến xe T:

- Vết màu đỏ thứ nhất (nghi máu): nằm trên phần đường xe chạy, không rõ hình có kích thước 0,3m x 0,25m. T1 vết màu nâu đỏ cách mép đường chuẩn là 0,3m và cách điểm mốc là 16,9m.

- Vết màu đỏ thứ hai (nghi máu): nằm trên phần đường xe chạy không rõ hình, có kích thước 0,05m x 0,2m. T1 vết màu nâu đỏ thứ hai cách mép đường chuẩn là 01m và cách tâm vết màu nâu đỏ thứ nhất là 1,3m.

- Vùng mảnh vỡ: nằm trên phần đường xe chạy, một phần nhỏ nằm ở lề đường bên phải có kích thước 1,3m x 1,1m. Trong vùng mảnh vỡ có nhiều mảnh nhựa rơi vãi. T1 vùng mảnh vỡ cách mép đường chuẩn là 0,5m và cách tâm vết màu nâu đỏ thứ hai 6,7m.

- Vết cày: nằm trên phần đường xe chạy, dạng đường cong đứt quãng, vết cày dài 2,9m, nơi rộng nhất 0,01m. Đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 02m và cách tâm vùng mảnh vỡ là 52,5m. Cuối vết cày cách mép đường chuẩn là 0,7m.

** Tại Biên bản khám nghiệm phương tiện ngày 06/11/2023 ghi nhận:*

Xe mô tô hai bánh biển số 71F6-5651, số máy LC150FMG00718274, tại thời điểm khám nghiệm ghi nhận:

- Không có gương chiếu hậu bên phải.
- Cụm đồng hồ, nắp sau tay lái bị gãy, vỡ rời khỏi vị trí ban đầu.

- Cụm đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu phía trước bên phải, nắp trước tay lái bị gãy, vỡ rời khỏi vị trí ban đầu.

- Đèn tín hiệu phía trước bên trái bị vỡ phần ốp nhựa kích thước 0,06m x 0,04m.

- Góc chân máy bên phải bị cong, chiều hướng từ trước về sau; đầu góc chân máy bị trầy xước, mài mòn kích thước 0,01m x 0,01m.

Hệ thống đèn chiếu sáng, còi không hoạt động được; hệ thống đèn tín hiệu không hoạt động được.

* *Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của Phan Văn Y lập ngày 06/11/2023 thể hiện:*

- Vùng mặt: Xây xước da, bầm tụ máu vùng gò má phải, kích thước: 07cm x 03cm.

- Xây xước da mặt ngoài mu bàn tay trái.

- Xây xước da mặt ngoài mu bàn tay phải.

- Xây xước da ở vị trí 1/3 cẳng chân trái, kích thước 05cm x 01cm, cách đầu gối là 07cm.

- Mặt ngoài mắt cá chân trái có vết xây xước da, kích thước 02 cm x 01 cm.

- Vùng đầu không phát hiện dấu vết tổn thương.

- Vùng ngực, vùng bụng không phát hiện dấu vết tổn thương;

- Vùng lưng không phát hiện dấu vết tổn thương.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 1789/GCH-TTYT ngày 13/12/2023 của Trung tâm y tế huyện T chứng nhận Phan Văn Y vào viện lúc 08 giờ ngày 07/11/2023 có các thương tích sau:

- Mắt phải sưng, bầm mi dưới.

- Xây xước da gò má phải kích thước khoảng 1x1cm.

- Xây xước da vùng cằm kích thước khoảng 2x1cm.

- Xây xước da rải rác 2 chi dưới.

- Đau đầu.

- Đau cột sống thắt lưng.

- Xquang sọ thẳng, nghiêng: chưa phát hiện tổn thương xương.

- Xquang cột sống thắt lưng thẳng, nghiêng: chưa phát hiện tổn thương xương.

* *Tại Bản kết luận giám định tử thi số: 74/KLGĐTT-TTPYBT ngày 07/12/2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y2, kết luận giám định đối với Trần Văn D như sau:*

1. Các kết quả chính:

- Nứt sọ vùng thái dương - đỉnh trái, chiều dài 06cm.

- Nứt sọ (theo đường khớp) vùng đỉnh, chiều dài 08cm.

- Xuất huyết, tụ máu dưới màng cứng bán cầu não trái (lượng nhiều).

- Xuất huyết dưới nhện bán cầu não trái.

- Dập não thái dương phải và bán cầu não trái.

- Tổ chức não mềm nhão.

- Nứt xương cánh bướm lớn bên phải.

2. Kết luận: Nguyên nhân tử vong: Chấn thương sọ não do tai nạn giao thông.

* Tại Văn bản số 1853/TTYT-KHNV ngày 26/12/2023 của Trung tâm y tế huyện T cung cấp kết quả nồng độ cồn trong máu của Trần Văn D vào viện lúc 05 giờ 35 phút ngày 05/11/2023 là: 99 miligam/100 mililit.

Ngày 11/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiến hành thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường vụ án, Phan Văn Y đã tự xác định chiều hướng lưu thông, vị trí va chạm, vị trí bị hại, xe mô tô và quá trình dẫn xe mô tô đem giấu đều phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện, khám nghiệm tử thi và phù hợp với lời khai của những người chứng kiến.

Quá trình điều tra xác định được, Phan Văn Y chưa có giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1.

* Vật chứng trong vụ án đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 71F6-5651, số máy LC150FMG00718274 (quá trình khám nghiệm hiện trường Cơ quan điều tra thu giữ tại khu vực phía trước Cửa hàng X số 47).

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, dạng như nón kết (mũ lưỡi trai), trên mũ có một miếng dán hình lưỡi liềm màu bạc, trên đỉnh mũ bảo hiểm có nhiều vết trầy xước (do ông Nguyễn Thành Y1 phát hiện ở khu vực gần ao cá gần hiện trường vụ án nên giao nộp).

- 01 (một) chiếc áo khoác màu xám, mặt trước trên túi áo bên phải có chữ “PT JEANS” màu xanh ngọc; mặt sau có vết rách kích thước: 02cm x 04 cm; 01 (một) đôi dép nhựa quai kẹp màu nâu, trên quai dép có dòng chữ “DUWA” màu trắng; 01 (một) nón vải dạng tai bèo, trên nón có chữ “ASIA SPORTS”; 01 (một) quần vải thun dài, màu đen, có kích thước: 100cm x 40cm; mặt trước trên ống quần bên trái cách đường chỉ may dưới 30cm, cách đường chỉ may bên phải 03cm có vết xước vải kích thước 01cm x 05cm (do ông Phan Văn Đ - là cha của Y giao nộp bộ quần áo, đồ vật Y dùng vào ngày xảy ra vụ tai nạn giao thông).

* Về xử lý vật chứng: xe mô tô hai bánh, biển số 71F6-5651 do bà Trần Thị N ở ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre đứng tên đăng ký xe. Bà N mua xe sử dụng và bán lại cho người khác vào năm 2007. Bùi Linh T2 mua xe mô tô nêu trên của người lạ (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ) ở huyện B, tỉnh Bến Tre làm phương tiện đi lại. Sau đó, T2 cho ông Phan Văn Đ (cha vợ của T2) dùng để chở cò. Ngày 05/11/2023, Phan Văn Y lấy xe mô tô nêu trên làm phương tiện đi làm ông Đ không biết. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 71F6-5651 cho ông Đ.

* Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra ông Trần Văn C là người đại diện theo uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của bị hại là bà Phan Thị C1 yêu cầu Phan Văn Y phải bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 80.000.000 đồng, bao gồm

các khoản: chi phí mai táng 30.000.000 đồng; chi phí xây mộ 17.000.000 đồng; khoản bù đắp tổn thất tinh thần 33.000.000 đồng. **Phan Văn Y** đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người đại diện của bị hại và đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng, trước khi mở phiên tòa giữa người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận là người đại diện hợp pháp của bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền này cho người đại diện hợp pháp của bị hại.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo **Phan Văn Y** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Văn Y** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/6/2024, bị cáo **Phan Văn Y** kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo **Phan Văn Y** thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo **Phan Văn Y** làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm tù là phù hợp; kháng cáo bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Văn Y** 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Mặc dù không có giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1, nhưng vào khoảng 04 giờ 20 phút ngày 05/11/2023, **Phan Văn Y** điều khiển xe mô tô hai bánh, biển số 71F6-5651 lưu thông trên Quốc lộ E hướng từ Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre đi thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Khi đến Km 75+300m, đoạn thuộc ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, do thiếu chú ý quan sát nên xe mô tô do **Y** điều khiển đã đụng vào phía sau người ông **Trần Văn D** đang đi bộ cùng chiều gây tai nạn. Sau đó, do sợ trách nhiệm nên **Phan Văn Y** đã giấu xe mô tô và bỏ trốn khỏi hiện trường để trốn tránh trách nhiệm. Hậu quả tai nạn: ông **Trần Văn D** chết vào ngày 07/11/2023 tại **Bệnh viện N2 - tỉnh Bến Tre**. Hành vi của **Phan Văn Y** đã vi phạm vào khoản 9, khoản 17, khoản 19, khoản 23 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ, gây hậu quả làm chết 01 người.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; khi tham gia giao thông không tuân thủ đúng quy định của Luật Giao thông đường bộ, điều khiển xe mô tô trong điều kiện không có giấy phép lái xe theo quy định, thiếu chú ý quan sát dẫn đến gây ra tai nạn giao thông, hậu quả làm chết người, lỗi thuộc về bị cáo, sau khi gây tai nạn giao thông đã bỏ trốn để trốn tránh trách nhiệm; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của con người, xâm phạm an toàn giao thông đường bộ. Với ý thức, hành vi và hậu quả bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Phan Văn Y** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung “*Không có giấy phép lái xe theo quy định*” và “*Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm*” theo điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Phan Văn Y** yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người đại*

diện hợp pháp của bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình; có ông nội là người có công với đất nước; người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 03 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; điều khiển xe mô tô tham gia giao thông trong điều kiện không có giấy phép lái xe theo quy định, khi tham gia giao thông thiếu chú ý quan sát đã gây ra tai nạn giao thông hậu quả làm chết 01 người, sau khi gây tai nạn giao thông đã bỏ trốn để trốn tránh trách nhiệm; bị cáo phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự, phạm tội có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng của con người, gây ra mất mát đau thương vô cùng to lớn cho gia đình bị hại mà không gì bù đắp được, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an toàn giao thông đường bộ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự và bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra; tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt cũng như biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo **Phan Văn Y**; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 27/2024/HS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Phan Văn Y** 03 (ba) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo **Phan Văn Y** phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú (3b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú (1b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông